ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2025/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4502/TTr-SNN ngày 18 tháng 9 năm 2024 và Văn bản giải trình số 6190/SNN-VPĐP ngày 13 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Điều 2. Phân công nhiệm vụ

Trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh (gọi chung là Ủy ban nhân cấp huyện) tổ chức thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới nâng cao thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao cụ thể như sau:

1. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các tiêu chí 1; 9 và chỉ tiêu 17.9; 17.10 (tiêu chí 17).

2. Sở Giao thông vận tải chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 2.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các tiêu chí 3; các chỉ tiêu 13.2, 13.3, 13.4, 13.5, 13.6, 13.8 (tiêu chí 13); các chỉ tiêu 17.7, 17.8, 17.11 (tiêu chí 17); 18.1, 18.2, 18.3, 18.4, 18.5, 18.6 (tiêu chí 18).

4. Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các tiêu chí 4; 7.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 5.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các chỉ tiêu 6.1, 6.2 (tiêu chí 6); chỉ tiêu 13.7 (tiêu chí 13).

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 6.3 (tiêu chí 6); hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện chủ trì, hướng dẫn tiến hành lấy ý kiến của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

8. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 8, các chỉ tiêu 15.1, 15.2 (tiêu chí 15).

9. Cục Thống kê tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 10.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các tiêu chí 11; 12.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 13.1 (tiêu chí 13).

12. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 13.9 (tiêu chí 13).

13. Sở Y tế chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 14.

14. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện đánh giá đối với chỉ tiêu 15.3 (tiêu chí 15); Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng tiêu chí cải cách thủ tục hành chính trên cơ sở Bộ chỉ số cải cách hành chính chung của tỉnh kết hợp Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo phù hợp, làm cơ sở để đánh giá tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; gửi kết quả đánh giá cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu trách nhiệm đối với kết quả đánh giá xã đạt các chỉ tiêu theo quy định.

15. Sở Tư pháp chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 16.

16. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các chỉ tiêu 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.12 (tiêu chí 17); 18.7, 18.8 (tiêu chí 18).

17. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 19.1 (tiêu chí 19).

18. Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 19.2 (tiêu chí 19).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

a) Công bố Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch, tổng hợp, lập kế hoạch hàng năm của tỉnh trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương.

b) Lập báo cáo đánh giá và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn các xã đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao từng xã của huyện. Kết quả báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân các xã căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh thực hiện, đánh giá kết quả đạt được trong năm, báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ.

4. Các sở, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các địa phương, theo dõi, đánh giá các tiêu chí cho từng xã. Định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 và thay thế hoàn toàn Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5 (thực hiện);
- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025;
- Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương;
- Vụ Pháp chế (Bộ NN&PTNT);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, KGVX, TH-NC, KTN (.54 bản).

(*Khoa/Qdntmncao/30.12-840)*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Phụ lục

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 01 /2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai đến năm 2025).

2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Yêu cầu đạt chuẩn
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.		Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch		Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên		Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định		100%
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp:	Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm	100%
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm:	Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa	≥ 70%
			Sáng, xanh, sạch, đẹp	≥ 95%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥ 50%
3	**Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 95%
		3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	≥ 01
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	- Năm 2024: ≥60% - Năm 2025: ≥65%
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá
4	**Điện**	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%
5	**Giáo dục**	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.	Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ	≥ 01 mô hình

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
		năng, sức bền	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	80%
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…)	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 99%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người *(triệu đồng/người/năm)*	Năm 2021: ≥ 72
			Năm 2022: ≥ 76
			Năm 2023: ≥ 80
			Năm 2024: ≥ 84
			Năm 2025 : ≥ 88
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	≤ 0,3%
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 85%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 35%
13	**Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 01 sản phẩm
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 01 mô hình
		13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥ 01 sản phẩm
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	10%
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)	≥ 01 mô hình
		13.9. Xã có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận	Đạt
14	**Y tế**	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 95%
		14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt
		14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥ 90%
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥ 90%
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	100%
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥ 50%
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 50%
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥ 80%
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 95%
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 10%
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 4m^2/người
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 90%
18	**Chất lượng môi trường sống**	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 65%
		18.2 Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥70%
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn
19	**Quốc phòng và An ninh**	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn *(giao thông, cháy, nổ)* nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả	Đạt